TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CP** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 356/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 27 - 6 - 2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Giữ;
Ông Nguyễn Thị Thu Sương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CPxét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 246/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Th, sinh năm 2003;
Trú tại: Tổ 10, ấp An L, xã Hoà B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Phước B, sinh năm 1979;
Trú tại: Tổ 23, ấp Hưng Th, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trương Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Th và ông B chung sống năm 2005, hôn nhân do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang ngày 23/7/2010. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, ông B thường hay đá gà, đánh đập bà Th nhiều lần, không quan tâm vợ con. Bà Th đã khuyên ngăn nhưng ông B không sửa đổi, vợ chồng đã ly thân khoảng 05 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên bà Th yêu cầu ly hôn ông B.

- *Về con chung*: Bà Th và ông B chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 15/01/2012, Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 09/10/2006 hiện 02 con chung đang sống với ông B. Ly hôn bà Th giao 02 con chung cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng, bà Th không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Phước B, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông B vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông B.

Tại phiên toà:

Bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông B vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa thấy rằng hôn nhân của bà Th và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đã ly thân khoảng 05 năm, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông B là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Bà Th và ông B chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 15/01/2012, Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 09/10/2006 hiện 02 con chung đang sống với ông B. Cháu H và cháu T đang sống với ông B do ông B

chăm sóc nuôi dưỡng ổn định, 02 con chung đều có nguyện vọng muốn tiếp tục ở với ông B nên đề nghị giao cháu H và cháu T cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Th không chấp dưỡng nuôi con chung, ông B không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn Phước B đang sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang. Bà Th khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CPthụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Th và ông B chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn ông bà có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng thời gian sau xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cải vả, ông B thường hay tham gia chơi đá gà, đánh đập vợ con, không quan tâm đến vợ con, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng đã ly thân hơn 05 năm. Hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Th xin ly hôn với ông B. Quá trình giải quyết vụ án bà Th kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy bà Th đã kiên quyết ly hôn, Tòa án đã hòa giải cho ông bà đoàn tụ nhưng ông B, bà Th đều vắng mặt. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào

tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th.

- Về con chung: Bà Th và ông B chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 15/01/2012, Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 09/10/2006 hiện 02 con chung đang sống với ông B. Xét, cháu H và cháu T đang ở với ông B do ông B chăm sóc nuôi dưỡng ổn định, cháu H và cháu T có nguyện vọng muốn tiếp tục được ở với ông B, bà Th đồng ý giao 02 con chung cho ông B tiếp tục nuôi, nên Hội đồng xét xử giao cháu H và cháu T cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không cấp dưỡng nuôi con chung, ông B đang nuôi 02 con chung nhưng không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông B có quyền khởi kiện về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con trong một vụ khác khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Th.

Về hôn nhân: Bà Trương Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn Phước B.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79/2010 ngày 23/7/2010 của Ủy ban dân xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 15/01/2012, Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 09/10/2006 cho ông Nguyễn Văn Phước B được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông B cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Trương Thị Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005481 ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- UBND xã ĐHC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Mỹ